

Số: 1402/2019/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 19 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1491/2019/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thúy L, sinh năm 1983

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 250, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2008 cho bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C là hợp pháp.

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, bà L và ông C cùng xác định trong quá trình chung sống, hai bên sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2016, từ năm 2017 hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng nhau. Hai bên cùng nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà L và ông C là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh (bản sao y) số 297, quyển số 01/2009 của trẻ Nguyễn Phú K do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/9/2009 và Giấy khai sinh (bản sao) số 397/2012, quyển số 02/2012 của trẻ Nguyễn Trần Gia H do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2012 cùng lời trình bày của bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C có cơ sở xác nhận bà L và ông C có 02 con chung là trẻ Nguyễn Phú K, sinh ngày 11/8/2009 và trẻ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 24/10/2012.

Bà L và ông C thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Phú K, sinh ngày 11/8/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là trẻ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 24/10/2012 cho Trần Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu từ ngày 30/9/2019. Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi trẻ K.

Tòa án nhận thấy sự thỏa thuận của bà L và ông C nêu trên là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C cùng trình bày không có.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm Hòa giải Đối thoại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Phú K, sinh ngày 11/8/2009 và trẻ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 24/10/2012.

Bà L và ông C thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Phú K, sinh ngày 11/8/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là trẻ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 24/10/2012 cho Trần Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu từ ngày 30/9/2019. Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi trẻ K.

Sau khi ly hôn, bà L và ông C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung. Vì lợi ích của con, bà L và ông C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án, ông C chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trần Thúy L và ông Nguyễn Văn C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021472 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà L và ông C đã nộp đủ lệ phí.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- UBND phường N, quận P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào